Biểu số 3: BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP **MSDN: 0100103866**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 451 /VEAM-KTKH	*Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2026*

Kính gửi:

- Bộ Tài chính;
- Bộ Công Thương.

Thực hiện quy định báo cáo, đăng tải thông tin định kỳ của doanh nghiệp theo Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ, Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (VEAM) xin báo cáo như sau:

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

1. Một số yếu tố ảnh hưởng đối với VEAM:

a) Thuận lợi

- Xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng và mở rộng các dự án FDI tạo cơ hội cho các đơn vị của VEAM cung cấp linh kiện, phụ tùng, nhất là trong các mảng công nghiệp hỗ trợ.

- Các liên doanh TMV, FVL, HVN tiếp tục duy trì thị phần cao trên thị trường ô tô và xe máy, đóng góp ổn định vào nguồn thu tài chính của VEAM.

- Một số thị trường xuất khẩu phụ trợ của VEAM như Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc, Đài Loan duy trì nhu cầu ổn định.

- Chính sách giảm thuế VAT, thúc đẩy đầu tư công và tiêu dùng nội địa giúp thị trường ô tô, xe thương mại và máy nông nghiệp có cơ hội phục hồi vào cuối năm 2025.

b) Khó khăn

- Thị trường quốc tế biến động mạnh, chi phí nguyên liệu và logistics tăng, ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của các doanh nghiệp sản xuất cơ khí, đúc và gia công.

- Cạnh tranh trong nước gay gắt về thị trường ô tô xe máy, đặc biệt là dòng xe điện và ô tô giá rẻ nhập khẩu tiếp tục gây áp lực đối với hoạt động sản xuất kinh doanh tại các liên doanh của VEAM.

- Một số sản phẩm truyền thống của VEAM (máy xay xát, ru lô cao su, vòng bi…) tiếp tục mất lợi thế cạnh tranh.

- Công tác xử lý dự án đầu tư tồn tại từ nhiều năm về trước gặp nhiều vướng mắc gây chậm tiến độ, công nợ kéo dài tại một số đơn vị vẫn phức tạp.

- Áp lực đổi mới công nghệ, tiêu chuẩn môi trường, chế độ tiền lương và yêu cầu nâng cao năng lực quản trị đặt ra đòi hỏi lớn, trong khi nguồn lực tài chính và nhân sự chất lượng cao tại một số đơn vị còn hạn chế.

- Thiên tai, bão lũ tiếp tục diễn biến phức tạp, bất thường hơn cả về tần suất và cường độ. Các đợt mưa lớn, ngập úng, sạt lở tại nhiều tỉnh miền Trung, Tây Nguyên và miền Bắc. Bão lũ và thời tiết cực đoan cũng làm giảm nhu cầu đối với nhiều sản phẩm cơ khí - máy nông nghiệp, đặc biệt tại các thị trường miền Trung và Tây Nam Bộ, nơi chiếm tỷ trọng tiêu thụ lớn của VEAM.

2. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025:

- Công ty mẹ tiếp tục duy trì hoạt động ổn định và hoàn thành hầu hết các chỉ tiêu chính được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025. Hiệu quả sản xuất công nghiệp tăng, doanh thu tài chính duy trì ở mức cao; cơ cấu doanh thu có sự thay đổi theo hướng giảm tỷ trọng thương mại - dịch vụ, tăng tỷ trọng sản xuất công nghiệp, phù hợp định hướng đã đề ra trong năm 2025:

+ Hoạt động sản xuất công nghiệp tăng mạnh trở lại chủ yếu nhờ vào sản lượng tiêu thụ ô tô tại VM, bao gồm cả hoạt động sản xuất mới cũng như tiêu thụ xe tồn.

+ Do Công ty mẹ chủ trương tạm dừng hoạt động kinh doanh vật tư, ưu tiên tập trung tiêu thụ xe tải Changan và máy kéo ISEKI tồn kho nên doanh thu thương mại, dịch vụ đạt khá thấp.

+ Lợi nhuận sau thuế hoàn thành vượt 12% mục tiêu được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025. Kết quả này đã phản ánh hiệu quả từ việc tối ưu hóa nguồn vốn và danh mục đầu tư tài chính của Công ty mẹ.

- Trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động, kết quả năm 2025 cho thấy Công ty mẹ đã điều hành linh hoạt, kiểm soát tốt rủi ro và tối ưu hóa hoạt động tài chính, đồng thời từng bước giải quyết các vấn đề tồn đọng để nâng cao hiệu quả bền vững. Hoạt động SXKD của Công ty mẹ đã bám sát định hướng điều hành, đạt kết quả khả quan ở hai trụ cột: sản xuất công nghiệp và tài chính. Công ty mẹ tiếp tục thể hiện vai trò đầu tàu, vừa trực tiếp sản xuất, kinh doanh, vừa quản lý vốn đầu tư và kết nối các đơn vị thành viên.

(Chi tiết tại Bảng số 1: Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp)

II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

1. Đánh giá tình hình thực hiện các dự án có tổng mức đầu tư từ nhóm B trở lên:

(Chi tiết tại Bảng số 2: Tình hình thực hiện đầu tư của doanh nghiệp)

Trong năm 2025, VEAM không phát sinh dự án đầu tư nhóm B mới. Tuy nhiên, có 02 dự án do các đơn vị thành viên của VEAM là Chủ đầu tư thực hiện từ các năm trước đây, cụ thể:

a) Dự án "Di chuyển và xây mới Nhà máy sản xuất máy kéo nhỏ" - Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp (TAMAC)

- Dự án được VEAM phê duyệt tại Quyết định số 141/QĐ-VEAM/HĐTV ngày 02/11/2016, điều chỉnh tiến độ tại Quyết định số 51/QĐ-HĐQT ngày

12/10/2020, với tổng mức đầu tư 432,15 tỷ đồng, thực hiện tại KCN Tiên Sơn, Bắc Ninh; thời gian hoàn thành theo phê duyệt là Quý I/2023.

- Đến thời điểm báo cáo, dự án đã hoàn thành một số công việc như thuê đất, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, thực hiện các thủ tục đầu tư và ký kết các hợp đồng tư vấn, giải ngân lũy kế 84,27 tỷ đồng nhưng chưa triển khai các hạng mục chính và chậm tiến độ so với kế hoạch được phê duyệt. Nguyên nhân chủ yếu do TAMAC không chủ động được nguồn vốn thực hiện dự án, phương án sản xuất kinh doanh không còn phù hợp với thị trường và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đã hết hiệu lực từ ngày 31/3/2023. TAMAC đang rà soát, đánh giá tính khả thi và đề xuất phương án xử lý theo quy định.

b) Dự án "Di chuyển và xây mới Công ty Cơ khí Trần Hưng Đạo"- Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo (CK THĐ)

- Dự án được phê duyệt điều chỉnh (lần 3) tại Quyết định số 70/QĐ-VEAM/HĐTV ngày 24/6/2016, với tổng mức đầu tư 507,236 tỷ đồng, thực hiện tại KCN Tiên Sơn, Bắc Ninh; thời gian hoàn thành theo phê duyệt là Quý IV/2019.

- Đến thời điểm báo cáo, dự án đã hoàn thành giai đoạn I, III và cơ bản hoàn thành giai đoạn II; thiết bị phân kỳ I đã đầu tư, phân kỳ II chưa triển khai do thiếu vốn. Dự án chưa hoàn thành theo quy mô được phê duyệt, chưa quyết toán và chưa nghiệm thu hạng mục phòng cháy và chữa cháy. Nguyên nhân chủ yếu do thiếu nguồn vốn và còn một số tồn tại theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước, kết luận thanh tra. CK THĐ đang hoàn thiện các tồn tại, lập phương án điều chỉnh dự án và báo cáo VEAM xem xét, quyết định.

2. Các khoản đầu tư tài chính:

a) Khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn

Tổng giá trị tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn theo Báo cáo tài chính Công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2025 là 12.558,98 tỷ đồng. Lãi tiền gửi phát sinh trong năm là 855,84 tỷ đồng.

b) Khoản đầu tư vào các công ty khác

Tổng giá trị đầu tư dài hạn theo báo cáo tài chính Công ty mẹ tại thời điểm ngày 31/12/2025 là 3.374,2 tỷ đồng, trong đó đã trích lập dự phòng 220,8 tỷ đồng. Hiệu quả đầu tư dài hạn của VEAM tại các công ty con, liên doanh, liên kết:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Số lượng DN	Giá trị ĐT 31/12/2025	Tỷ lệ	Lợi nhuận được chia	Tỷ suất sinh lời
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6=5/3*
1. Lĩnh vực kinh doanh chính	19	3.363,2	99,7%	6.640,0	1,97
1.1. Nắm giữ 100% vốn	5	2.377,3	70,5%	387,7	0,16
1.2. Nắm giữ trên 50% vốn	8	278,8	8,3%	40,3	0,14

Chỉ tiêu	Số lượng DN	Giá trị ĐT 31/12/2025	Tỷ lệ	Lợi nhuận được chia	Tỷ suất sinh lời
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6=5/3*
1.3. Nắm giữ dưới 50% vốn	6	707,1	21,0%	6.212,0	8,79
2. Đầu tư khác	2	11,0	0,3%	0	0,00
Cộng	**21**	**3.374,2**	**100%**	**6.640,0**	**1,97**

III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON

Phần lớn đơn vị duy trì được hoạt động sản xuất kinh doanh, bảo đảm việc làm và thu nhập cho người lao động. Một số đơn vị có đóng góp tích cực về doanh thu, lợi nhuận và lợi nhuận nộp về Công ty mẹ như Diesel Sông Công, Cơ khí Phổ Yên, Phụ tùng máy số 1. Bên cạnh đó, vẫn còn một số đơn vị có quy mô doanh thu thấp, hiệu quả chưa cao hoặc còn phát sinh lỗ, cho thấy yêu cầu tiếp tục tái cơ cấu, đổi mới công nghệ, mở rộng khách hàng và tăng cường quản trị tài chính trong thời gian tới.

(Chi tiết tại Bảng số 3: Tình hình đầu tư và sản xuất kinh doanh tại các công ty con do Công ty mẹ nắm cổ phần chi phối)

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Chủ tịch HĐQT (để b/c);
- CBTT;
- Lưu: VT, KTKH.

TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG CÔNG TY MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM CTCP

Nguyễn Hoàng Giang

BẢNG SỐ 1: MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Giá trị thực hiện	Giá trị thực hiện của cả tổ hợp công ty mẹ - công ty con (nếu có) (*)
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất				
a)	Ô tô VEAM	Xe	860	921	
b)	Sản phẩm đúc	Tấn	5.700	4.500	
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	7.139,8	8.053,2	12.038,8
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	6.396,1	7.150,6	7.424,4
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	6.330,3	7.005,7	7.219,4
5	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước	Tỷ đồng		5.673,87	5.838,83
6	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	3,0	2,2	41,3
7	Sản phẩm dịch vụ công ích (*nếu có*)				
8	Tổng số lao động	Người	667	632	4.343
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	144,9	161,0	877,4
a)	Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng	8,7	9,4	44,4
b)	Quỹ lương lao động	Tỷ đồng	136,2	151,6	833,0

(*) Công ty mẹ là doanh nghiệp nhà nước cung cấp thông tin các chỉ tiêu hợp nhất của mô hình công ty mẹ - công ty con.

BẢNG SỐ 2: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Tên dự án	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	Vốn vay (tỷ đồng)	Vốn khác (tỷ đồng)	Tổng giá trị thực hiện tính đến thời điểm báo cáo (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện dự án (từ năm … đến năm ….)
Dự án quan trọng quốc gia: Không có							
Dự án nhóm A: Không có							
Dự án nhóm B							
1	Dự án di chuyển và xây mới nhà máy sản xuất máy kéo nhỏ - Chủ đầu tư Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp	432,146	432,146	0	0	84,274	Từ năm 2017 ~ đến năm 2023
2	Dự án di chuyển và xây mới công ty Cơ khí Trần Hưng Đạo - Chủ đầu tư Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo	507,236	507,236	0	0	244,254	Từ năm 2003~ đến năm 2019

BẢNG SỐ 3: TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI CÁC CÔNG TY CON DO CÔNG TY MẸ NẮM CỔ PHẦN CHI PHỐI

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Tên doanh nghiệp	Vốn điều lệ	Tổng vốn đầu tư của công ty mẹ	Tổng tài sản	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Lợi nhuận sau thuế	Lợi nhuận nộp về công ty mẹ	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước	Tổng nợ phải trả
1	***Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ***									
1.1	Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp	151	96	164	40	3	3	0	3	214
1.2	Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo	111	284	227	86	1	1	0	0	41
1.3	Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	1.490	1.490	2.151	1321	443	426	388	33	235
1.4	Công ty TNHH MTV Động cơ và MNN Miền Nam	347	347	402	366	11	9	0	8	61
1.5	Viện Công nghệ	142	160	131	88	1	1	0	4	13
2	***Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ trên 50% vốn điều lệ***									
2.1	Công ty CP Cơ khí chính xác số 1	96	50	110	52	5	4	1	5	9
2.2	Công ty CP Cơ khí Phổ Yên	37	23	390	1159	101	78	19	42	271
2.3	Công ty CP Cơ khí Cổ Loa	6	0	23	43	3	3	0	1	12
2.4	Công ty CP Vận tải và Thương mại VEAM	13	0	76	164	6	5	0	3	244
2.5	Công ty CP Vật tư và Thiết bị toàn bộ	222	128	799	277	4	3	0	17	520
2.6	Công ty CP Phụ tùng máy số 1	71	61	352	944	78	62	20	48	211
2.7	Veam Korea Corporation	17	17	8	0	0	0	0	0	0
2.8	Công ty CP Cơ khí Vinh	9	1	26	1	-5	-5	0	0	41

(*) Ghi chú: Tổng vốn đầu tư của Công ty mẹ tại các Công ty con là giá trị đã được đánh giá lại tại thời điểm Công ty mẹ chuyển sang Công ty Cổ phần.